

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG LÁT
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày 28-5-2025

V/v: Không công nhận quan hệ
vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Văn Cường
2. Bà Phan Thị Mấy

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Công Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:
Ông Hà Văn Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 24/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc: “Không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/5/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vàng A L, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Bản K, xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Căn cước công dân số: 038098028066; Cấp ngày: 30/6/2022; Nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Sung Thị S, sinh năm: 2000.

Địa chỉ: Bản C, xã N, huyện M, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Căn cước công dân số: 038300009703; Cấp ngày: 25/8/2023; Nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2025; Bản tự khai và quá trình giải quyết, nguyên đơn Vàng A L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Sung Thị S tự do tìm hiểu, yêu đương và tự nguyện đến sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2015, được gia đình hai bên có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định. Khi về chung sống, hai người sống tại bản Khăm 2, xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa, cuộc sống của hai người hòa thuận, đầm ấm. Đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, cuộc sống không hạnh phúc, sau đó chị Sung Thị S đã về nhà bố mẹ đẻ ở bản C, xã N, huyện M sinh sống. Đến nay anh chị vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và không ai quan tâm đến ai nữa, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Nay xét thấy tình cảm không còn, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Sung Thị S.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh và chị Sung Thị S không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Sung Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Vàng A L về sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2015 và cho đến nay anh chị vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, từ khi hai người đến với nhau thì chung sống với nhau tại bản Khăm 2, xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa, nhưng đến đầu năm 2020 thì hai người hay xảy ra cãi vã lẫn nhau, luôn bất đồng về quan điểm sống, mỗi người một ý kiến. Chị biết việc anh

Vàng A L nộp đơn lên Tòa án yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng. Nay chị xét thấy cũng không còn tình cảm với anh Vàng A L, nên đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh Vàng A L là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh Vàng A L không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Anh Vàng A L và chị Sung Thị S đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn là đã không tuân thủ quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vàng A L và chị Sung Thị S không có con chung, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Miễn án phí cho đương sự, vì các đương sự là người dân tộc thiểu số (H'Mông), thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn.

Đề nghị áp dụng:

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 208, Điều 228, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, Điều 148 Bộ luật Dân sự;

Điều 9, Điều 11 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật HN&GD năm 2014;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Về hôn nhân: Không công nhận anh Vàng A L và chị Sung Thị S là vợ chồng.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Không có, nên không xét.

Về án phí và kháng cáo: Miễn án phí sơ thẩm cho anh Vàng A L, vì anh L là người dân tộc thiểu số (H) thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình thì Tòa án nhân dân huyện Mường Lát thuộc thẩm quyền giải quyết. Bởi vì, chị Sung Thị S đang có hộ khẩu thường trú: Bản Chim, xã N, huyện M, tỉnh Thanh Hóa, chị chưa chuyển khẩu hay tạm trú tạm vắng ở nơi khác.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là “Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì anh Vàng A L là nguyên đơn; chị Sung Thị S là bị đơn.

[3] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn luôn chấp hành theo sự triệu tập của Tòa án và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình cũng như các quy định khác của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Anh Vàng A L và chị Sung Thị S sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2015. Mặc dù, theo quy định của pháp luật thì anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định, nhưng thực tế từ trước đến nay anh chị không đăng ký kết hôn. Như vậy, anh Vàng A L và chị Sung Thị S không tuân thủ Luật Hôn nhân và

Gia đình năm 2014. Theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì “Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng Luật về Hôn nhân và Gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết”. Như vậy, tại thời điểm xác lập quan hệ chung sống như vợ chồng giữa anh Vàng A L và chị Sung Thị S thì pháp luật được áp dụng để giải quyết là Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Việc anh Vàng A L và chị Sung Thị S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015, đến nay vẫn không đăng ký kết hôn là đã không tuân thủ quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch*”.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Vì vậy, anh Vàng A L và chị Sung Thị S phải đi đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc.

Hơn nữa, tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định về việc giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn như sau: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*”. Đối chiếu với những quy định nêu trên, việc anh Vàng A L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng với chị Sung Thị S là có căn cứ, nên chấp nhận.

Khoản 2 Điều 53 quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này....*”

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không công nhận anh Vàng A L và chị Sung Thị S là vợ chồng, đồng thời các đương sự cũng đề nghị giải quyết không công nhận các đương sự là vợ chồng. Nên, Hội đồng xét xử tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Vàng A L và chị Sung Thị S và được giải quyết bằng bản án.

[5] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống anh Vàng A L và chị Sung Thị S không có con chung nên HĐXX không xem xét.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Anh Vàng A L là người dân tộc thiểu số (H) thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí, nên HĐXX miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định;

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 147, Điều 208, Điều 210, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, Điều 148 Bộ luật dân sự;

Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Vàng A L.

1.1. Về Hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Vàng A L và chị Sung Thị S.

1.2. Về nuôi con chung: Anh Vàng A L và chị Sung Thị S không có con chung, nên không xem xét.

1.3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xét.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình cho anh Vàng A L.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử công khai, vắng mặt đương sự. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật;

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Mường Lát;
- Phòng 9 - VKS nhân dân T. Thanh Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Mường Lát;
- UBND xã Trung Lý, H. Mường Lát;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Dũng